TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 126/2023/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 14 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ dân sự sơ thẩm thụ lý số 148/2023/TLST - DS ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa:

1/ Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1991

2/ Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1999

Đều có hộ khẩu thường trú và trú tại: thôn K1, xã T1, huyện K, tỉnh H.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 04/5/2015;

3.2. Cháu Nguyễn Ngọc B1, sinh ngày 12/9/2018.

Người giám hộ cho cháu B và cháu B1: Anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị T (bố, mẹ đẻ của hai cháu).

Đều có hộ khẩu thường trú và trú tại: thôn K1, xã T1, huyện K, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015*;*

Căn cứ vào các điều 51; 55; 57; 81; 82; 83; 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144; Điều 146; Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 06/7/2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự đ- ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/7/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đ- ơng sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị T cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 04/5/2015 và cháu Nguyễn Ngọc B1, sinh ngày 12/9/2018 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày 06/7/2023 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; quyền được thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Anh S và chị T cùng tự nguyện không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh S tự nguyện nhận nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng. Đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2021/0008338 ngày 29/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, anh S được trả lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận :
- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện KC;
- THA huyện KC;
- UBND xã T1;
- L- u HSVA.

ĐÀO DUY TR